



Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần
Chứng khoán Thăng Long)

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| THÔNG TIN CHUNG | 1 - 2 |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 3 |
| BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Báo cáo kiểm toán về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) | 4 |
| Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) | 5 |
| Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) | 6 - 27 |

**Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)**

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty"), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 05/GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi tại ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007, ngày 28 tháng 12 năm 2007 và ngày 26 tháng 10 năm 2011. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 85/GPDC/UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012 sửa đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS").

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5-6-7, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có ba (03) chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Hà Nội (2011: năm (05) chi nhánh).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> |
|---------------------|----------------|------------------------------------|
| Ông Lưu Trung Thái | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011 |
| Bà Cao Thị Thuý Nga | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011 |
| Ông Quách Mạnh Hào | Uỷ viên | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011 |
| Ông Phan Phương Anh | Uỷ viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010 |
| Bà Nguyễn Minh Châu | Uỷ viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> |
|----------------------|----------------|------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thanh Bình | Trưởng Ban | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011 |
| Bà Bùi Thị Hồng Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011 |
| Bà Nguyễn Kim Chung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011 |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ và Tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> |
|--------------------|---------------------|------------------------------------|
| Ông Lưu Trung Thái | Quyền Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2011 |
| Ông Trịnh Khắc Hậu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008 |
| Ông Quách Mạnh Hào | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2010 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|---------------------|------------------------------------|
| Ông Lưu Trung Thái | Quyền Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2011 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) được lập phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.



Ông Lưu Trung Thái
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2012

Số tham chiếu: 60755036/15403658

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Kính gửi: Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tỷ lệ vốn khả dụng) có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng). Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 trong Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng).



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2013

Nguyễn Chí Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1103/KTV

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Số Công văn: 09/2013/MBS-BC

V/v: báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 1 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Tại thời điểm: Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Quyền Kế toán Trưởng
Chu Hải Công

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ
Phùng Thị Thanh Hà

Quyền Tổng Giám đốc
Lưu Trung Thái

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

| STT | CÁC CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng |
|-----|--|-------------|---------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị rủi ro thị trường | 4 | 258.888.346.926 |
| 2 | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 5 | 245.897.077.037 |
| 3 | Tổng giá trị rủi ro hoạt động | 6 | 90.771.138.539 |
| 4 | Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) | | 595.556.562.502 |
| 5 | Vốn khả dụng | 7 | 1.129.100.420.662 |
| 6 | Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) (%) | | 189,59% |

Quyền Kế toán Trưởng
 Chu Hải Công

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ
 Phùng Thị Thanh Hà

Quyền Tổng Giám đốc
 Lưu Trung Thái

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2013



**Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty"), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 05/GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi tại ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007, ngày 28 tháng 12 năm 2007 và ngày 26 tháng 10 năm 2011. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 85/GPDC/UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012 sửa đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS").

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5-6-7, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có ba (03) chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Hà Nội (2011: năm (05) chi nhánh).

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 278 người (31 tháng 12 năm 2011: 407 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC và Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 226/2010/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 226/2010/TT-BTC, Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 226/2010/TT-BTC và các văn bản khác

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư 226/2010/TT-BTC và Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 226/2010/TT-BTC chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng (tiếp theo)

| STT | Khoản mục | Cách thức diễn giải của Công ty |
|-----|---|---|
| 1 | Chỉ tiêu “ <i>lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật</i> ” (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 4 – Vốn khả dụng, Thông tư 226/2010/TT-BTC) | Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng của: ▶ Lợi nhuận lũy kế; ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012; ▶ Số dư các khoản dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. |
| 2 | Chỉ tiêu “ <i>Các khoản phải thu</i> ” (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 9 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 226/2010/TT-BTC) | Chỉ tiêu “Các khoản phải thu” bao gồm cả các khoản phải thu khác và các tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán và tiền hành xác định giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục này theo công thức quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC. |

2.2 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày.

Theo quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC, vốn khả dụng của Công ty được định nghĩa bằng tổng vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối được cộng lại số dư các tài khoản dự phòng trên bảng cân đối kế toán tại ngày lập báo cáo và được điều chỉnh tăng/(giảm) các khoản mục sau:

3.2.1 Các khoản điều chỉnh tăng

- ▶ Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- ▶ Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên 10 năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
- ▶ Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng).

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% phần giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.2 Các khoản điều chỉnh giảm

- ▶ Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- ▶ Năm mươi phần trăm phần giá trị tăng lên của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- ▶ Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng);
- ▶ Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;
- ▶ Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản và giá trị sổ sách (đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng).

3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- ▶ Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- ▶ Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại, trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán.
- ▶ Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VNĐ là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mờ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/dơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.3 Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- ▶ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- ▶ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- ▶ Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro.

- ▶ Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn theo quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán:

| STT | Loại hình giao dịch | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán |
|-----|--|--|
| 1. | Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm | Toàn bộ giá trị khoản cho vay |
| 2. | Cho vay chứng khoán | Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)),0} |
| 3. | Vay chứng khoán | Max{(Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng),0} |
| 4. | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại | Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của Hợp đồng x (1- Hệ số rủi ro thị trường)),0} |
| 5. | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại | Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)-Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0} |
| 6. | Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | Max{(Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo),0} |

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá trị thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo mục 3.3.2.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán

| STT | Thời gian | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro |
|---|---|---|
| A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới) | | |
| 1. | Trước thời hạn nhận thanh toán | 0 |
| 2. | Sau thời hạn nhận thanh toán | Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch) |
| B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty) | | |
| 1. | Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | 0 |
| 2. | Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch) |

b. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.4 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- ▶ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- ▶ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu; và
- ▶ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

3.4.5 Ngoại trừ khỏi vốn khả dụng

Trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ Vốn khả dụng.

3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tuỳ thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn; dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VÔN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro % | Quy mô rủi ro VNĐ | Giá trị rủi ro VNĐ |
|--|----------------|-------------------|--------------------|
| | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | |
| 1. Tiền mặt (VNĐ) | 0 | 344.261.277.269 | - |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 0 | 71.232.500.000 | - |
| 3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ | 0 | - | - |
| II. Trái phiếu Chính phủ | | | |
| 4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi | 0 | - | - |
| 5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu | | - | - |
| 5.1 Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD | 3 | - | - |
| 5.2 Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm; | 3 | - | - |
| Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm; | 4 | - | - |
| Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên; | 5 | - | - |
| III. Trái phiếu doanh nghiệp | | | |
| 6. Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8 | - | - |
| Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | - | - |
| Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20 | - | - |
| 7. Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25 | - | - |
| Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30 | 150.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 40 | - | - |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VÔN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro % | Quy mô rủi ro VNĐ | Giá trị rủi ro VNĐ | |
|--|-------------------|-------------------|--------------------|------------------------|
| | | | (1) | (2) |
| IV. Cổ phiếu | | | | |
| 8. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở | 10 | 109.789.998.500 | 10.978.999.850 | |
| 9. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 15 | 111.118.573.300 | 16.667.785.995 | |
| 10. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom | 20 | 1.479.600 | 295.920 | |
| 11. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO) | 30 | - | - | |
| 12. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác | 50 | 314.741.251.800 | 157.370.625.900 | |
| V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán | | | | |
| 13. Quỹ đại chúng | 10 | 54.000 | 5.400 | |
| 14. Quỹ thành viên | 30 | 65.582.413.000 | 19.674.723.900 | |
| VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch | | | | |
| 15. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch | 40 | - | - | |
| 16. Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch | 50 | 2.682.062 | 1.341.031 | |
| VII. Chứng khoán khác | | | | |
| 17. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác | 80 | - | - | |
| 18. Các tài sản đầu tư khác | 80 | - | - | |
| VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng) (*) | | | | |
| Mã chứng khoán | Mức tăng thêm (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro | |
| 1. MCG(*) | 10 | 1.945.689.300 | 194.568.930 | |
| 2. Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bình Chánh(**) | 20 | 45.000.000.000 | 9.000.000.000 | |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII) | | | | 258.888.346.926 |

(*) Giá trị rủi ro thị trường của khoản đầu tư này được điều chỉnh tăng thêm do khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam (MCG) chiếm 10,81% Vốn chủ sở hữu của Công ty

(**) Giá trị rủi ro thị trường của khoản đầu tư này được điều chỉnh tăng thêm do khoản đầu tư vào Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bình Chánh chiếm 18,67% Vốn chủ sở hữu của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

| | <i>Giá trị rủi ro VNĐ</i> |
|--|-------------------------------|
| Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1) | 65.927.585.327 |
| Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2) | 166.292.779.609 |
| Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 5.3) | 13.676.712.101 |
| Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 245.897.077.037 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BẢO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán cho các khoản mục chưa đến hạn thanh toán được xác định như sau:

| Loại hình giao dịch | Hệ số rủi ro | Giá trị rủi ro (VNĐ) | | | | | Tổng giá trị rủi ro VNĐ |
|---|--------------|----------------------|------|------|---------------|-----------------------|-------------------------------|
| | | 0% | 0,8% | 3,2% | 4,8% | 6% | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | | |
| 1. Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm (Thuyết minh 5.1.1) | - | - | - | - | 4.374.732.734 | 47.355.442.647 | 51.730.175.381 |
| 2. Cho vay chứng khoán | - | - | - | - | - | - | - |
| 3. Vay chứng khoán | - | - | - | - | - | - | - |
| 4. Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại | - | - | - | - | - | - | - |
| 5. Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại | - | - | - | - | - | - | - |
| 6. Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | 14.197.409.947 | 14.197.409.947 |
| TỔNG RỦI RO THANH TOÁN TRƯỚC THỜI HẠN | | | | | | 65.927.585.327 | |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BẢO CAO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BẢO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (tiếp theo)

Chi tiết kê số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

| | Đối tác thanh toán cho Công ty | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|--|--------------------------------|
| (1) | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc Khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 0% |
| (2) | Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 0,8% |
| (3) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khái OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 3,2% |
| (4) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty | 4,8% |
| (5) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam | 6% |
| (6) | Các tổ chức, cá nhân khác | 8% |

5.1.1 Giá trị tiền gửi và tiền cho vay không có tài sản đảm bảo

Giá trị tiền gửi và tiền cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| | Giá trị số sách VNĐ | Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VNĐ | Giá trị rủi ro VNĐ |
|--|----------------------------|---|---------------------------|
| Các khoản tiền gửi | 71.232.500.000 | 71.232.500.000 | 4.273.950.000 |
| Các hợp đồng hợp tác đầu tư và góp vốn | 593.622.745.313 | 593.622.745.313 | 47.456.225.381 |
| | 664.855.245.313 | 664.855.245.313 | 51.730.175.381 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BẢO CAO TỶ LỆ VỐN KHA DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

5.2 Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục đã quá thời hạn thanh toán được xác định như sau:

| STT | Thời gian quá hạn | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro (VNĐ) | Giá trị rủi ro (VNĐ) |
|---------------------------------------|---|------------------|---------------------|------------------------|
| 1. | 0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 16 | 336.500.000 | 53.840.000 |
| 2. | 16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 32 | - | - |
| 3. | 31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 48 | - | - |
| 4. | Từ 60 ngày trở đi | 100 | 166.238.939.609 | 166.238.939.609 |
| TỔNG RỦI RO QUÁ HẠN THANH TOÁN | | | | 166.292.779.609 |

5.3 Rủi ro tăng thêm

| STT | Nội dung | Mức tăng thêm (%) | Quy mô rủi ro (VNĐ) | Giá trị rủi ro (VNĐ) |
|------------------------------|--|-------------------|---------------------|-----------------------|
| 1. | Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Đầu tư và phát triển HBID (*) | 30% | 16.314.729.624 | 4.894.418.887 |
| 2. | Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thăng Long (**) | 30% | 29.274.310.713 | 8.782.293.214 |
| TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM | | | | 13.676.712.101 |

(*) Giá trị rủi ro thanh toán của Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Đầu tư và Phát triển HBID được điều chỉnh tăng thêm 30% do giá trị khoản vay chiếm 25,23 % vốn chủ sở hữu của Công ty.

(**) Giá trị rủi ro thanh toán của Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long được điều chỉnh tăng thêm 30% do giá trị khoản vay chiếm 45,28% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

| | <i>Chi tiêu</i> | <i>Giá trị VNĐ</i> |
|--|---|------------------------|
| I. | Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng | 383.290.601.863 |
| II. | Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (<i>Thuyết minh 6.1</i>) | (20.206.047.706) |
| III. | Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II) | 363.084.554.157 |
| IV. | 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III) | 90.771.138.539 |
| V. | 20% Vốn pháp định của Công ty | 60.000.000.000 |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V}) | | 90.771.138.539 |

6.1 Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

| | <i>Giá trị VNĐ</i> |
|---|-----------------------|
| Chi phí khấu hao | 11.039.233.395 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn | (90.149.323.788) |
| Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn | 7.437.000.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 91.879.138.099 |
| | 20.206.047.706 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. VỐN KHẢ DỤNG

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|-----|---|-------------------|--------------------|---------------------|
| | | Vốn khả dụng VNĐ | Khoản giảm trừ VNĐ | Khoản tăng thêm VNĐ |
| A | Nguồn vốn | (1) | (2) | (3) |
| 1 | Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại | 1.200.000.000.000 | | |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 121.000.000.000 | | |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | | |
| 4 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 14.227.505.485 | | |
| 5 | Quỹ đầu tư phát triển | - | | |
| 6 | Quỹ dự phòng tài chính | 7.468.016.895 | | |
| 7 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 10.991.417.247 | | |
| 8 | Lợi nhuận luỹ kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật | (102.649.853.765) | | |
| | - Lợi nhuận luỹ kế và lợi nhuận chưa phân phối | (545.533.068.450) | | |
| | Cộng lại: | | | |
| | - Số dư các khoản dự phòng | (442.883.214.685) | | |
| 9 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi) | - | | |
| 10 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | | |
| 11 | Lợi ích của cổ đông thiểu số | - | | |
| 12 | Các khoản nợ có thể chuyển đổi (Thuyết minh 7.1) | | | 404.076.935.588 |
| 13 | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính (Thuyết minh 7.2) | | 285.826.097.708 | 8.728.104.829 |
| 1A | Tổng | | | 1.378.016.028.570 |
| B | Tài sản ngắn hạn | | | |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | | | |
| II | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | | |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | | | |
| | Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường (Thuyết minh 4) | | | |
| | Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng (Thuyết minh 7.3) | | 20.365.696 | |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | | |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | | | |
| 1. | Phải thu của khách hàng | | | |
| | Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | 25.429.018.170 | |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|-----|--|---------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| 2. | Trả trước cho người bán | | 1.158.971.785 | |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | | | |
| | Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 4. | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | | | |
| | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 5. | Các khoản phải thu khác | | | |
| | Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | 36.115.611.355 | |
| 6. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | | |
| IV | Hàng tồn kho | | 82.757.064 | |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 2.037.700.818 | |
| 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | | | |
| 3. | Thuế và các khoản phải thu nhà nước | | | |
| 4. | Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 4.1 | Tạm ứng | | | |
| | Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày | | 473.260.000 | |
| 4.2 | Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác | | 53.000.000 | |
| 1B | Tổng | | | 65.370.684.888 |
| C | Tài sản dài hạn | | | |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | | | |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | | | |
| | Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 2. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | | - | |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|-------------------------|--|------------------|--------------------|---------------------|
| | | Vốn khả dụng VNĐ | Khoản giảm trừ VNĐ | Khoản tăng thêm VNĐ |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | | | |
| | Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | | | |
| | Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 1.5 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | | |
| II | Tài sản cố định | | 15.422.062.582 | |
| III | Bất động sản đầu tư | | - | |
| IV | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | | |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | | - | |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | - | |
| 3. | Đầu tư chứng khoán dài hạn | | | |
| | Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường (Thuyết minh 4) | | - | |
| | Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng (Thuyết minh 7.4) | | 41.220.857.950 | |
| 4. | Đầu tư dài hạn khác | | 15.225.000.000 | |
| 5. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | | | |
| V | Tài sản dài hạn khác | | 111.677.002.488 | |
| | Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo Thông tư 226 (Thuyết minh 7.5) | | - | |
| 1C | Tổng | | 183.544.923.020 | |
| VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C | | | 1.129.100.420.662 | |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

7.1 Các khoản nợ có thể chuyển đổi

Danh sách các khoản nợ có thể chuyển đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Chỉ tiêu | Giá trị VNĐ |
|--|------------------------|
| Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi | 600.000.000.000 |
| Giá trị đã được khấu trừ của trái phiếu chuyển đổi (I = 80% x Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi) | 480.000.000.000 |
| 50% Vốn chủ sở hữu | 404.076.935.588 |
| Tổng giá trị các khoản nợ có thể chuyển đổi (Min {I, II}) | 404.076.935.588 |

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành dưới hình thức chào bán riêng lẻ. Toàn bộ số Trái phiếu chuyển đổi đã được mua bởi Ngân hàng TMCP Quân đội. Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi là 600 tỷ đồng (tương đương 600.000 trái phiếu chuyển đổi, mệnh giá 1 triệu VNĐ/trái phiếu), giá phát hành bằng 100% mệnh giá. Lãi suất năm đầu là 5%/năm, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, là lãi suất bình quân của các lãi suất huy động tiền gửi bằng VNĐ áp dụng đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng thanh toán cuối kỳ niêm yết tại Sở Giao dịch của các Ngân hàng: Agribank, Vietinbank, VCB, MB tại ngày 26 tháng 12 hàng năm. Thời hạn trái phiếu là 5 năm, từ ngày 26 tháng 12 năm 2011 đến 26 tháng 12 năm 2016. Tại ngày đáo hạn, Ngân hàng TMCP Quân Đội có quyền chuyển đổi một trái phiếu thành 75 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.

7.2 Giá trị tăng thêm và giảm đi của chứng khoán

Chi tiết giá trị tăng thêm và giảm đi của chứng khoán tại khoản mục đầu tư tài chính được điều chỉnh vào vốn khả dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| | Giá gốc VNĐ | Giá thị trường VNĐ | Chênh lệch VNĐ |
|--------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| Giá trị tăng thêm | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 13.866.271.344 | 14.474.463.173 | 608.191.829 |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 | - |
| Chứng chỉ quỹ | 29.000.000.000 | 37.119.913.000 | 8.119.913.000 |
| | 192.866.271.344 | 201.594.376.173 | 8.728.104.829 |
| Giá trị giảm đi | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 475.172.067.835 | 206.436.453.186 | (268.735.614.649) |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 29.396.718 | 1.479.600 | (27.917.118) |
| Chứng chỉ quỹ | 45.525.119.941 | 28.462.554.000 | (17.062.565.941) |
| | 520.746.950.190 | 234.919.536.786 | (285.826.097.708) |
| | 713.613.221.534 | 436.513.912.959 | (277.097.992.879) |

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

7.3 *Chứng khoán ngắn hạn bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng*

Chi tiết chứng khoán ngắn hạn bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng như sau:

| | Giá trị VNĐ |
|---|-------------------|
| Cổ phiếu phát hành bởi Ngân hàng Quân đội | 20.365.696 |
| | 20.365.696 |

7.4 *Chứng khoán dài hạn bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng*

Chi tiết chứng khoán dài hạn bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng như sau:

| | Giá trị VNĐ |
|---|-----------------------|
| Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty | |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB | 14.990.000.000 |
| Công ty Cổ phần Địa ốc MB | 11.202.129.950 |
| Chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng | |
| Công ty Cổ phần Phân Bón Miền Nam | 15.028.728.000 |
| | 41.220.857.950 |

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Chu Hải Công Phùng Thị Thanh Hà Lưu Trung Thái
Quyền Kế toán trưởng TH Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2013

